

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Hoa;

Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HS ngày 29/4/2019 đối với bị cáo:

Lê Minh Đ, sinh ngày 23/9/1998 tại huyện Th, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh Q và bà Từ Thị Ch; Tiền án: 01 (ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận tuyên phạt 09 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 06/01/2018); Tiền sự: chưa; Nhân thân: không tốt. Bị cáo đang được tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1971; Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

Người làm chứng:

1. Tô Tân K, sinh năm 2000; Nơi cư trú: ấp Th, xã N, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

2. Trương Gia T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

3. Nguyễn Tấn P, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp T, xã Th, huyện Th, tỉnh

Kiên Giang; vắng mặt

4. Lê Thị Trang T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 04/01/2019, Phạm Văn N ngụ khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang tổ chức uống bia tại nhà, trong lúc uống bia có xảy ra mâu thuẫn đánh nhau với Trương Minh S ngụ cùng khu phố, lúc này S điện thoại cho Trương Gia T (con ruột của S) biết. T cùng với Đặng Thanh H, Lê Minh Đ và Nguyễn Chí Th điều khiển xe máy đến nhà ông N. Khi đến nơi, T, H, Đ, Th xông vào đánh ông N, ông N và người thân trong gia đình bỏ chạy, lúc đó Đ phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ của ông N để ở chân cột trước nhà không người trông giữ nên lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần cất giấu, không cho ai biết. Sau đó, Đ đem về nhà mở lấy sim, tắt điện thoại. Đến ngày 05/01/2019, Đ mang điện thoại đổi với Lê Thị Trang T (em ruột của Đ) để sử dụng và nói dối là của người khác cầm không có tiền chuộc. Đến ngày 08/01/2019 sự việc Đ trộm điện thoại bị T phát hiện và kêu Đ đem trả lại cho ông N thì Đ đồng ý trả. Trong quá trình điều tra Đ thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Thuận kết luận tại thời điểm tháng 01/2019: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ có giá trị còn lại là 6.600.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ đã qua sử dụng được Công an thị trấn Vĩnh Thuận trả lại cho bị hại Phạm Văn N.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSVT ngày 16/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Minh Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn N đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ đã trả lại cho bị hại Phạm Văn N.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Đối với việc vắng mặt của bị hại Phạm Văn N; người làm chứng Tô Tân K, Trương Gia T, Nguyễn Tấn P, Lê Thị Trang T đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án, xét thấy không trở ngại đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng vắng mặt.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Minh Đ khai nhận: Vào khoảng 21 giờ ngày 04/01/2019, Lê Minh Đ lợi dụng sơ hở của Phạm Văn N, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần; khi thực hiện hành vi bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị theo định giá là 6.600.000đ. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Ngoài lần phạm tội này thì bị cáo còn có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này được xem là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả bằng việc đem trả lại tài sản trộm cắp được cho bị hại; sau khi lấy điện thoại của bị hại bị cáo đã trả lại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản chiếm đoạt có giá trị nhỏ nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[6] Qua phân tích, xét thấy rằng cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tập trung để cơ quan chức năng cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giúp bị cáo sớm hòa nhập lại cộng đồng cần tuyên cho bị cáo mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ đã được trao trả cho bị hại Phạm Văn Nhi.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173. Tuyên bố bị cáo Lê Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 07 tháng tù, tính kể từ ngày bị cáo được đưa đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 6; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (28/5/2019); Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã M;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng (PV27) CA tỉnh KG;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Vũ